

THƯ VIỆN



Nguyễn Am Hiểu
Ths. Quản Thị Mai Hương

**TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ
HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA
VÀ ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI**

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

TS. Nguyễn Am. Hiếu
Ths. Quản Thị Mai Hương



TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG
Năm 2000

MỤC LỤC

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

1. Khái niệm	3
1.1 Hợp đồng mua bán hàng hóa	3
1.2 Mối quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng kinh tế và hợp đồng thương mại	11
1.3 Hàng hóa	14
2. Vai trò của hợp đồng mua bán hàng hóa	20
2.1 Hợp đồng mua bán hàng hóa thể hiện ý chí của các bên tham gia giao kết hợp đồng	21
2.2 Hợp đồng mua bán hàng hóa là công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích các bên	22
2.3 Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa vai trò chủ đạo trong hợp đồng thương mại	24
2.4 Hợp đồng mua bán hàng hóa giúp Nhà nước kiểm soát các hoạt động kinh doanh	26
3. Lịch sử pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa	27
3.1 Giai đoạn 1960-1989	28
3.2 Giai đoạn từ 1989 - nay	38

4. Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa	48
4.1 Chủ thể hợp đồng mua bán hàng hóa trước luật thương mại	48
4.2 Chủ thể hợp đồng mua bán hàng hóa theo luật thương mại.	49
5. Đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa thương mại	58
6. Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa	68
6.1 Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa trước khi có luật thương mại	69
6.2 Hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa theo luật thương mại	71
7. Nội dung chủ yếu của hợp đồng mua bán hàng hóa	72
7.1 Thế nào là nội dung chủ yếu của hợp đồng mua bán hàng hóa	72
7.2 Các nội dung chủ yếu của hợp đồng mua bán hàng hóa	73
7.3 Quyền thỏa thuận các nội dung khác	80
8. Chào hàng	81
8.1 Khái niệm	81

8.2 Phân biệt chào hàng với rao vặt, quảng cáo và giới thiệu sản phẩm	83
8.3 Ý nghĩa pháp lý của chào hàng - thời hạn trách nhiệm của bên chào hàng và bên chấp nhận chào hàng.	85
8.4 Sửa đổi, bổ sung chào hàng	88
9. Thời điểm ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa	89
9.1 Ý nghĩa của việc xác định thời điểm ký kết hợp đồng	89
9.2 Xác định thời điểm ký kết hợp đồng	90
10. Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng	93
11. Chuyển quyền sở hữu hàng hóa	94
11.1 Thời điểm chuyển quyền sở hữu	94
11.2 Bảo lưu quyền sở hữu	99
11.3 Bảo đảm quyền sở hữu đối với hàng hóa đã bán	100
12. Giao hàng	101
12.1 Điều kiện giao hàng	101
12.2 Giao hàng cho người thứ ba	106
12.3 Giao hàng thừa, thiếu hoặc nhầm lẫn	107

12.4 Nghĩa vụ nhận hàng	113
12.5 Ngừng giao hàng	115
13. Chất lượng hàng hóa	116
14. Bảo hành	120
15. Thanh toán	122
15.1 Nghĩa vụ thanh toán	122
15.2 Thời hạn thanh toán	125
15.3 Phương thức thanh toán	128
16. Thông tin	131
17. Chuyển giao rủi ro	135
17.1 Rủi ro đối với người bán	138
17.2 Rủi ro đối với người mua	139
17.3 Rủi ro trong trường hợp giao hàng qua người thứ ba	140
18. Miễn trách nhiệm	144
19. Hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài	152
19.1 Khái niệm	152
19.2. Về chủ thể	154
19.3 Về đối tượng hợp đồng	160
19.4 Về hình thức hợp đồng	164

19.5	Việc áp dụng công ước Viên năm 1980	166
------	-------------------------------------	-----

BỘ LUẬT DÂN SỰ

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

(Trích)

Mục 5: Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	168
---	------------

I. Những quy định chung	168
-------------------------	-----

II. Cầm cố tài sản	171
--------------------	-----

III. Thế chấp tài sản	180
-----------------------	-----

IV. Đặt cọc	189
-------------	-----

V. Ký cược	190
------------	-----

VI. Ký quỹ	191
------------	-----

VII. Bảo lãnh	192
---------------	-----

VIII. Phạt vi phạm	197
--------------------	-----

Mục 7. Hợp đồng dân sự	199
-------------------------------	------------

I. Giao kết hợp đồng dân sự	199
-----------------------------	-----

II. Thực hiện hợp đồng dân sự	208
-------------------------------	-----

III. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng dân sự	212
--	-----

CHƯƠNG II: HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

THÔNG THƯỜNG

Mục 1. Hợp đồng mua bán tài sản	215
I. Quy định chung về hợp đồng mua bán tài sản	215
II. Hợp đồng mua bán nhà	228
1. Hợp đồng mua bán nhà ở	228
2. Hợp đồng mua bán nhà để sử dụng vào mục đích khác.	232
III. Một số quy định riêng về mua bán tài sản	232
Mục 2: Hợp đồng trao đổi tài sản	238
Mục 3: Hợp đồng tặng, cho tài sản	240
Mục 4: Hợp đồng vay tài sản	242
Mục 5: Hợp đồng thuê tài sản	247
I. Quy định chung về hợp đồng thuê tài sản	247
II. Hợp đồng thuê nhà	255
1. Hợp đồng thuê nhà ở	255
III. Hợp đồng thuê khoán tài sản	264
Mục 6. Hợp đồng mượn tài sản	270
Mục 7: Hợp đồng dịch vụ	273
Mục 8: Hợp đồng vận chuyển	278
I. Hợp đồng vận chuyển hành khách	278
II. Hợp đồng vận chuyển tài sản	284

Mục 9. Hợp đồng gia công	291
Mục 10. Hợp đồng gửi giữ tài sản	298
Mục 11. Hợp đồng bảo hiểm	304
Mục 12. Hợp đồng ủy quyền	312
Mục 13. Hứa thưởng và thi có giải	318

ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI

1. Khái niệm	321
1.1 Đại diện theo Bộ Luật dân sự	321
1.2 Đại diện cho thương nhân	325
2. Sự khác nhau giữa đại diện thương mại và một số chế định pháp luật khác	331
2.1. Đại diện trong quan hệ nội bộ	331
2.2 Văn phòng đại diện thương mại	333
2.3 Ủy thác đại diện thương mại	334
2.4 Môi giới thương mại	336
3. Chủ thể của quan hệ đại diện thương mại	338
4. Phạm vi đại diện	342
5. Hợp đồng đại diện	345
6. Quyền và nghĩa vụ người đại diện	354

6.1 Nghĩa vụ của người đại diện	354
6.2 Quyền của người đại diện	370
7. Chấm dứt hợp đồng đại diện	375

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ BẢO ĐẢM TIỀN VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Nghị định

Chương I: Những quy định chung	381
Chương II: Bảo đảm tiền vay bằng tài sản cầm cố, thế chấp của khách hàng vay, bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba	387
Chương III: Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay	400
Điều 14: Trường hợp áp dụng	400
Điều 15: Điều kiện đối với khách hàng vay và tài sản hình thành từ vốn vay	400
Điều 16: Hình thức, nội dung, thủ tục ký kết và thực hiện hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.	402
Điều 17: Quyền, nghĩa vụ của khách hàng	

vay khi có bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay	403
Điều 18: Quyền, nghĩa vụ của tổ chức sử dụng nhận bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay	404
Chương IV: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản	406
Mục I: Tổ chức tín dụng lựa chọn cho vay không có bảo đảm bằng tài sản	406
Mục II: Tổ chức tín dụng nhà nước cho vay không có bảo đảm theo chỉ định của chính phủ	408
Mục III: Bảo lãnh bằng tín chấp của tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cho cá nhân, hộ gia đình nghèo vay vốn	412
Chương V: Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ đối với các khoản cho vay có bảo đảm bằng tài sản	415
Chương VI: Hạch toán kế toán, báo cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm	423
Chương VII: Điều khoản thi hành	425

PHÁP LỆNH HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Chương I : Những quy định chung	428
Chương II: Ký kết hợp đồng kinh tế	432
Chương III: Thực hiện, thay đổi, đình chỉ thanh lý hợp đồng kinh tế	440
Chương IV: Trách nhiệm do vi phạm HĐKT và xử lý HĐKT vô hiệu	445
Chương V: Điều khoản cuối cùng	455

NGHỊ ĐỊNH CỦA HĐBT SỐ 17/HĐBT NGÀY 16/1/1990 QUY ĐỊNH THI HÀNH PHÁP LỆNH HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Nghị định	457
------------------	-----

LUẬT THƯƠNG MẠI *(Trích)*

Mục 3: Thương nhân	480
Chương II: Hoạt động thương mại	486
Mục 1: Các loại hành vi thương mại	486
Mục 2: Mua bán hàng hóa	487
Mục 3: Đại diện cho thương nhân	508

Mục 4: Môi giới thương mại	514
Mục 5: Ủy thác mua bán hàng hóa	517
Mục 6: Đại lý mua bán hàng hóa	522
Mục 7: Gia công trong thương mại	531
Mục 8: Đấu giá hàng hóa	535
Mục 9: Đấu thầu hàng hóa	536
Mục 10: Dịch vụ giao nhận hàng hóa	546
Mục 11: Dịch vụ giám định hàng hóa	554
Mục 12: Khuyến mại	558
Mục 13: Quảng cáo thương mại	562
Mục 14: Trưng bày giới thiệu hàng hóa	569
Mục 15: Hội chợ, triển lãm thương mại	577
Chương IV: Chế tài trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong thương mại	586
Mục 1: Chế tài trong thương mại	586
Mục 2: Giải quyết tranh chấp thương mại	593

**NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ
57/1998/ NĐ-CP NGÀY 31/7/1998 QUY ĐỊNH
CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI
VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP**

KHẨU, GIA CÔNG VÀ ĐẠI LÝ MUA BÁN HÀNG HÓA VỚI NƯỚC NGOÀI

Chương I: Những quy định chung	598
Chương II: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	600
Chương III: Gia công với thương nhân nước ngoài	603
Mục 1: Nhận gia công cho thương nhân nước ngoài	607
Mục 2: Đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài	615
Chương IV : Đại lý mua bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài	618
Chương V: Xử lý vi phạm	622
Chương VI: Điều khoản thi hành	623
Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa xuất khẩu, cấm nhập khẩu	625
I. Mặt hàng cấm xuất khẩu	625
II. Mặt hàng cấm nhập khẩu	625
Phụ lục 2: Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện	627
I. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hạn ngạch	627

CÔNG ƯỚC CỦA LHQ VỀ CÁC HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Phần I: Phạm vi áp dụng và những điều

khoản chung 629

Chương I: Phạm vi áp dụng 629

Chương II: Những điều khoản chung 633

Phần II: Ký kết hợp đồng 638

Phần III: Mua bán hàng hóa 646

Chương I: Những điều khoản chung 646

Chương II: Nghĩa vụ của người bán 649

Chương III: Nghĩa vụ của người mua 668

Chương IV: Chuyển giao rủi ro 677

Chương V: Những quy định chung đối với
nghĩa vụ của người bán và người mua 681

Những điều khoản cuối cùng 696